

# NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TỰ CHỦ

TS. Ngô Thị Minh\*

*Hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học tự chủ chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ tác động đến hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học tự chủ Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính tại các cơ sở này trong điều kiện tự chủ tài chính.*

• Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng, kiểm soát nội bộ, cơ sở giáo dục đại học tự chủ.

*The effectiveness of financial management in autonomous higher education institutions is influenced by many different objective and subjective factors. Within the scope of this article, the author only delves deeply into studying the influencing factors of internal control on the effectiveness of financial management in autonomous higher education institutions in Vietnam. On that basis, propose solutions to improve the efficiency of financial management at these establishments in terms of financial autonomy.*

• Keywords: influencing factors, internal control, autonomous higher education institution.

Ngày nhận bài: 25/5/2022

Ngày gửi phản biện: 26/5/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 20/6/2022

Ngày chấp nhận đăng: 22/6/2022

H5: nhóm nhân tố trình độ đào tạo, năng lực, đạo đức của nhân viên tài chính kế toán ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính, bao gồm trình độ đào tạo, năng lực quản lý và đạo đức của các nhân viên tài chính, kế toán.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả tiến hành khảo sát 23 CSGDĐHCL được thí điểm tự chủ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-CP. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát.

Sau khi thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua bảng hỏi, dữ liệu được mã hóa và làm sạch, tác giả tiến hành phân tích định lượng với sự hỗ trợ của chương trình phần mềm SPSS phiên bản 22; sử dụng thang đo Likert, được thiết kế theo 5 cấp độ từ 1 đến 5 để tìm hiểu mức độ đánh giá của người trả lời theo 5 mức: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Còn phân vân; 4. Đồng ý và 5. Hoàn toàn đồng ý.

## 3. Kiểm định nhân tố ảnh hưởng

Kết quả kiểm định về các nhân tố ảnh hưởng thể hiện trên các bảng dưới đây:

**Bảng 1. Ảnh hưởng của nhóm nhân tố môi trường kiểm soát hoạt động tài chính**  
Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.872	5

## 1. Giả thuyết nghiên cứu

H1: nhóm nhân tố môi trường kiểm soát hoạt động tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính, gồm chính sách vĩ mô của Nhà nước, tính chính trực và giá trị đạo đức, cơ cấu quyền hạn và trách nhiệm, chính sách nguồn lực và sử dụng nhân viên, yêu cầu cá nhân báo cáo.

H2: nhóm nhân tố thuộc về nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính, bao gồm xác định mục tiêu, đánh giá nguy cơ gian lận, thiết kế hoạt động giám sát, kiểm soát và việc tuân thủ các chính sách đã thiết lập;

H3: nhóm nhân tố thuộc về bộ máy quản trị bao gồm, có cấu tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền hợp lý ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính;

H4: nhóm nhân tố trình độ đào tạo, năng lực đạo đức của nhà quản trị ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài chính, bao gồm trình độ đào tạo, năng lực quản lý và đạo đức của nhà quản trị;

\* Trường đại học Lao động - Xã hội

Item - Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item - Total Correlaton	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Chính sách vĩ mô của Nhà nước	8.764	12.321	.852	.801
Tính chính trực và giá trị đạo đức	8.731	12.433	.861	.806
Thiết lập cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm	8.542	12.524	.839	.803
Chính sách nguồn lực và sử dụng nv	8.715	12.618	.816	.807
Yêu cầu cá nhân báo cáo	8.678	12.213	.803	

Bảng 2. Ảnh hưởng nhóm nhân tố nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.815	5

Item- Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item - Total Correlaton	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Xác định mục tiêu	8.682	20.310	.813	8.11
Đánh giá nguy cơ gian lận	8.803	20.326	.814	8.16
Hoạt động KS, GS được thiết lập phù hợp	8.682	20.140	.815	8.17
Thiết lập biện pháp KS,GS hợp lý	8.803	20.338	.861	8.22
Tuân thủ các chính sách đã thiết lập	8.803	20.425	.812	8.25

Bảng 3. Ảnh hưởng nhóm nhân tố bộ máy quản trị

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.788	2

Item - Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item - Total Correlaton	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Cơ cấu tổ chức bộ máy	8.122	17.323	.772	8.30

Phân cấp, phân quyền rõ ràng	8.236	17.367	.763	8.43
------------------------------	-------	--------	------	------

Bảng 4. Ảnh hưởng nhóm nhân tố trình độ đào tạo, năng lực đạo đức của nhà quản trị

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.822	2

Item - Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item - Total Correlaton	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trình độ đào tạo, năng lực	8.141	13.422	.812	.826
Đạo đức nhà quản trị	8.215	13.518	.809	8.32

Bảng 5. Ảnh hưởng nhân tố trình độ đào tạo, năng lực, đạo đức của nhân viên tài chính kế toán

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.815	2

Item - Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item - Total Correlaton	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn	9.132	15.431	.814	8.32
Đạo đức nghề nghiệp	9.216	15.523	.809	8.46

Kết quả kiểm định thang đo các nhân tố bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy các hệ số đều > 0,6 và các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều > 0,3. Như vậy, các biến đều đạt độ tin cậy, không có biến nào bị loại bỏ trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

4. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Mục đích của phân tích EFA là tóm tắt các biến quan sát vào một số nhân tố nhất định và tìm ra mối quan hệ giữa các biến với nhau. Khi thực hiện phân tích này thì trị số KMO (Kaiser- Meyer-Olkin) được dùng để xem xét sự thích hợp của các nhân tố. Nếu trị số KMO nằm trong khoản từ 0,5 đến 1 là đủ điều kiện để thực hiện phân tích, còn các biến số có trọng số < 0,5 sẽ bị loại. Dựa vào độ tin cậy của thang đo để phân tích EFA lần 1, cụ thể như sau:

**Bảng 6. Kiểm định KMO và Bartlett's Test lần 1**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		.876
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2.726E3
	Df	195
	Sig	.000

Kết quả phân tích EFA cho thấy chỉ số KMO là 0.876 nằm trong khoảng từ trên 0,5 đến dưới 1 nên phân tích này được chấp nhận; kết quả Sig = 0.000 < 0,5, điều đó chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau và có ý nghĩa thống kê.

**Bảng 7. Kiểm định KMO và Bartlett's Test lần 2**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		.828
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	378.124
	Df	6
	Sig	.000

**Bảng 8. Tổng phương sai trích lần 2**

Component	Intital Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.512	80.711	80.745	2.534	80.736	80.766
2	.261	9.133	93.124			
3	.172	5.654	94.022			
4	.201	5.625	81.912			
5	.123	5.713	73.661			
6	.125	5.214	71.357			

Kết quả trên bảng 7 và 8 cho thấy giá trị Eigenvalues = 2.512 > 1 và trích được 6 yếu tố mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất. Tổng phương sai trích (bảng 3.18) là 80.766 > 50% thấy được mô hình EFA là phù hợp và các yếu tố được trích có động đạt giá trị 80.766% biến thiên các biến quan sát. Từ các kết quả phân tích cho thấy kết quả kiểm định có mối tương quan chặt chẽ giữa hiệu quả quản lý tài chính với các nhân tố tác động đến nó (biến độc lập với các biến phụ thuộc). Đưa các nhân tố trên vào phân tích hồi quy để đánh giá sự phù hợp của mô hình hồi quy bội bằng phương pháp Enter.

**Bảng 9. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội**

Model	R	R <sup>2</sup> Square	Djusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.941 <sup>a</sup>	.852	.868	.40956	1.927

Kết quả trên cho thấy giá trị R<sup>2</sup> là 0.856 như vậy là biến độc lập đưa vào chạy hồi quy ảnh hưởng 85.60% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 14.60% có thể do biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Hệ số Durbin-Watson là 1.927 nằm trong khoảng từ 1.5 đến 2.5 do đó mô hình là chấp nhận được, thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp cho việc rút ra kết luận. Giá trị của mỗi yếu tố được dùng để phân tích hồi quy là giá trị trung bình của các biến quan sát thuộc nhân tố đó.

### 5. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

**Bảng 10. Phân tích phương sai ANOVA<sup>b</sup>**

Model	Sum of Square	df	Mean Square	F	Sig.
Regression	211.642	6	50.432	290.534	.000 <sup>a</sup>
Residual	30.516	189	.177		
Total	242.158	195			

Kết quả trên bảng cho thấy hệ số hồi quy của các biến độc lập đều < 0,5. Do đó, các biến này đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc và phương trình hồi quy có dạng sau:

$$\begin{aligned}
 HQ &= 0.115 + 0,128MTKS + \\
 &0.308NDRR + 0.246HĐKS \\
 &+ 0.331BMQT + 0.398TDQ \\
 &+ 0.391TDN
 \end{aligned}$$

**Kết luận.** Qua phương trình hồi quy cho thấy, ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tài chính trong các CSGDĐHCL tự

chủ có mức độ khác nhau. Trong đó:

+ Trình độ, năng lực và đạo đức của nhà quản trị có tác động lớn nhất và có quan hệ cùng chiều bởi hệ số Beta dương = 0.398 và Sig. = 0.000 < 0.05, nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi nếu tăng trình độ đào tạo, năng lực quản trị và đạo đức của nhà quản trị lên 1 đơn vị thì hiệu quả quản lý tài chính sẽ tăng lên 0.398 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng, khi nhà quản trị có trình độ đào tạo cao, có năng lực quản lý và đạo đức tốt sẽ làm tăng hiệu quả quản lý tài chính của đơn vị.

+ Trình độ, năng lực và đạo đức của nhân viên tài chính, kế toán có tác động lớn thứ hai và có quan hệ cùng chiều, bởi Beta = 0.391 > 0 và Sig = 0,020 < 0,05, nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi nếu tăng trình độ, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên kế toán lên 1 đơn vị thì hiệu quả quản lý tài chính tăng lên 0.391 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng,

**Bảng 11. Hệ số phương trình hồi quy**

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std.Error	Beta		
(Constant)	.115	.093		-1.237	.236
MTKS	.216	.052	.128	2.368	.004
NDRR	.312	.048	.308	5.412	.000
HĐKS	.328	.054	.246	6.346	.000
BMQT	.269	.067	.331	5.284	.004
TDQ	.330	.075	.398	4.398	.000
TDN	.335	0.78	.391	4.421	.020

nhân tố về trình độ, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên kế toán tương thích với hiệu quả quản lý tài chính. Khi nhân viên kế toán có trình độ và năng lực chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có khả năng phân tích và lập dự toán tốt lại được thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thì quản lý tài chính sẽ có hiệu quả cao hơn.

+ Bộ máy quản trị của đơn vị có tác động lớn thứ ba và có quan hệ cùng chiều, bởi Beta dương = 0.331 > 0 và Sig = 0.004 < 0.05, nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi, nếu bộ máy quản trị của đơn vị được cơ cấu hợp lý, có sự phân cấp, phân quyền phù hợp, tăng lên 1 đơn vị hiệu quả quản lý tài chính của đơn vị sẽ tăng lên 0.331 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng, nhân tố bộ máy quản trị của CSGDĐHCL tự chủ hợp lý có quan hệ cùng chiều với hiệu quả quản lý tài chính của đơn vị. Khi cơ cấu tổ chức của đơn vị và sự phân cấp, phân quyền trong đơn vị minh bạch, rõ ràng sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

+ Nhận diện, đánh giá rủi ro tài chính có tác động lớn thứ tư và có quan hệ cùng chiều, bởi Beta dương = 0.308 > 0 và Sig = 0.000 < 0.05, nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi nếu việc nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính của đơn vị được thực hiện tốt, tăng lên 1 đơn vị thì hiệu quả quản lý tài chính tăng lên 0.308 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng, nhân tố về nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính có quan hệ cùng chiều với hiệu quả quản lý tài chính. Khi DN nhận diện đầy đủ, kịp thời và đánh giá đúng rủi ro tài chính xảy ra thì sẽ có những giải pháp tốt nhất để tránh được rủi ro hay hạn chế tổn thất dẫn đến hiệu quả quản lý tài chính tốt hơn.

+ Hoạt động kiểm soát, giám sát có tác động lớn thứ năm đến hiệu quả quản lý tài chính và có quan hệ cùng chiều, bởi Beta = 0.246 > 0 và Sig = 0.000 < 0.05,

nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi nếu việc hoạt động kiểm soát, giám sát tài chính thực hiện tốt, tăng lên 1 đơn vị thì hiệu quả quản lý tài chính tăng lên 0.246 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng, khi quy trình kiểm soát, giám sát được thiết lập và tuân thủ chặt chẽ thì sẽ tạo điều kiện cho hiệu quả quản lý tài chính tốt hơn.

+ Cuối cùng là môi trường kiểm soát tài chính có ảnh hưởng thấp nhất và quan hệ cùng chiều với hiệu quả quản lý tài chính với Beta= 0.128 và Sig.= 0.004 < 0,05, nghĩa là khi các nhân tố khác không đổi nếu môi trường kiểm soát tăng lên 1 đơn vị thì hiệu

quả quản lý tài chính tăng lên 0.128 đơn vị. Kết quả này chỉ ra rằng, nhân tố về môi trường kiểm soát tài chính có ảnh hưởng tốt khi các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định nội bộ phù hợp sẽ tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

**6. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ**

**6.1. Giải pháp vĩ mô**

Nhà nước, cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm tổng kết đánh giá việc thí điểm tự chủ đại học trong thời gian qua để trên cơ sở đó rút ra những kinh nghiệm quý báu, phù hợp trong việc xây dựng chính sách tự chủ đại học. Các văn bản pháp quy ban hành cần đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ nhằm tạo điều kiện cho các CSGDĐHCL tự chủ phát huy năng lực sáng tạo và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội.

**6.2. Nhóm giải pháp thuộc về cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ**

*Một là, hoàn thiện môi trường kiểm soát tài chính, cụ thể là:*

+ Phân công trách nhiệm và quy định quyền hạn rõ ràng cho từng vị trí lãnh đạo các cấp trong đơn vị;

+ Phát huy và duy trì các quy tắc đạo đức, đảm bảo tính chính trực, đoàn kết đối với tất cả các thành viên trong đơn vị;

+ Xây dựng chính sách nhân sự phù hợp trong tuyển dụng và sử dụng nhân sự;

+ Hoàn thiện bộ phận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, có chức năng như bộ máy kiểm soát nội bộ để đảm bảo nhiệm vụ kiểm soát nội bộ của nhà trường.

*Hai là, hoàn thiện việc nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính*

Để thực hiện được điều này, các CSGDĐHCL tự chủ có thể xây dựng bảng liệt kê về các tình huống cụ thể nhất định, qua đó lãnh đạo đơn vị có những thông tin tin cậy nhận dạng và xử lý các đối tượng rủi ro tài chính phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao. Thực trạng của việc lập bảng liệt kê là phân tích SWOT. Cần sử dụng đồng bộ các phương pháp nhận dạng rủi ro như phương pháp phân tích báo cáo tài chính, phương pháp thanh tra hiện trường, phương pháp làm việc với các bộ phận khác trong nhà trường, phương pháp phân tích các tổn thất trong quá khứ... Phương pháp nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính phải được thực hiện thường xuyên.

*Ba là, hoàn thiện hoạt động kiểm soát và giám sát tài chính*

Thực hiện giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ, giúp cho các CSGDĐHCL tự chủ kịp thời phát hiện những sai sót và giám sát được việc theo đuổi mục tiêu hoạt động của đơn vị có đúng hướng hay không. Cần có quy định chế tài xử lý các sai phạm một cách rõ ràng, minh bạch. Các khiếm khuyết, sai sót trong kiểm soát nội bộ cần được xem xét và khắc phục kịp thời nhằm giảm thiểu các rủi ro và nâng cao hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Trên cơ sở đó, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của đơn vị.

*Bốn là, tăng cường phân cấp, phân quyền và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong các cơ sở giáo dục đại học công lập*

*Năm là, giải pháp đa dạng hóa nguồn thu, cụ thể là:*

*Thứ nhất*, mở rộng quy mô và loại hình đào tạo: nguồn thu chủ yếu từ học phí, do đó để đa dạng hóa nguồn thu, trước hết phải mở rộng các loại hình đào tạo và mở rộng quy mô đào tạo.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy thế mạnh của CSGDĐHCL tự chủ; xây dựng thương hiệu của đơn vị, nâng cao uy tín của đơn vị cả trong nước và quốc tế.

*Thứ ba*, mở rộng quan hệ quốc tế đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập có uy tín; thực hiện mở rộng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đào tạo có uy tín trong và ngoài nước.

*Thứ tư*, tăng thu từ dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng.

*Thứ năm*, tăng thu từ hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ.

*Thứ sáu*, tăng thu từ các nguồn sự nghiệp khác: Tăng cường, mở rộng hoạt động liên kết đào tạo với nước

ngoài, với các địa phương trong cả nước; xây dựng mô hình doanh nghiệp trong nhà trường để vừa là nơi cho sinh viên thực tế, vừa có thể tăng thêm nguồn thu. Tùy theo đặc điểm và thế mạnh của từng cơ sở đào tạo để có thể xây dựng mô hình phù hợp. Đối với các CSGDĐHCL tự chủ ngành Y dược, có thể mở các DN sản xuất dược liệu, bệnh viện..., đối với các cơ sở đào tạo kinh tế có chuyên ngành kiểm toán có thể mở công ty kiểm toán, các trung tâm dịch vụ, tư vấn tài chính, thuế...

*Sáu là, giải pháp quản lý thu, chi*

- Xây dựng và hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn phát triển.

- Đồng thời thực hiện tốt việc lập dự toán, kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện dự toán và xác định chênh lệch, tìm nguyên nhân không hoàn thành dự toán để có biện pháp kịp thời phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của dự toán chi cũng như thực tế các khoản chi.

*Bảy là, hoàn thiện thông tin và truyền thông về đơn vị*, bảo đảm các thông tin quản lý và thông tin phản hồi từ dưới lên trên được truyền đạt kịp thời, chính xác, đảm bảo quảng bá hình ảnh của đơn vị ra bên ngoài một cách hiệu quả, tạo thương hiệu cho cơ sở đào tạo của mình. Khai thác hiệu quả các kênh truyền thông như Website của đơn vị, mạng xã hội và các trung tâm điện tử khác để quảng bá hình ảnh, các hoạt động của đơn vị cũng như chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm thu hút sự chú ý của các đối tượng quan tâm.

### Tài liệu tham khảo:

Ngô Thế Chi (2020), *Hiệu quả tài chính trong các trường đại học tự chủ tài chính*, tạp chí *Nghiên cứu Tài chính - Kế toán* số 10/2020.

Phan Thị Thái Hà, “*Ảnh hưởng kiểm soát nội bộ tới hiệu lực quản lý tài chính Đại học vùng tại Việt Nam*”, luận án tiến sỹ.

*Luật Giáo dục 2019*, số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14/6/2019, có hiệu lực từ 01/7/2020.

*Quyết định 2161/QĐ-BGD&ĐT* ngày 26/6/2017 ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu phát.